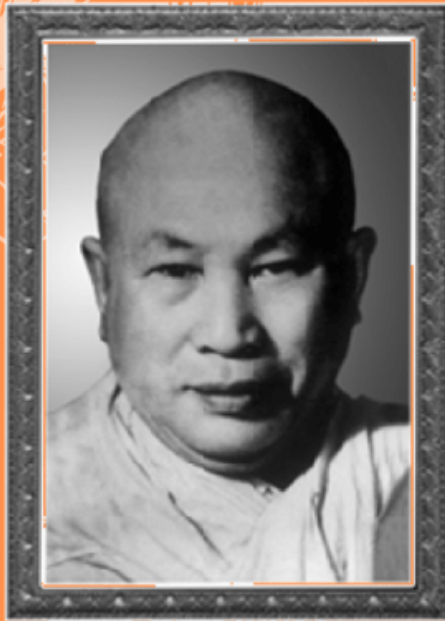


HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ ĐỘ (1894 - 1979)



Hòa thượng Thích Trí Độ
(1894 - 1979)



HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ ĐỘ (1894 - 1979)

Hòa thượng Thích Trí Độ, hiệu Hồng Chân, thế danh Lê Kim Ba, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1894 tại thôn Phổ Trạch, xã Kỳ Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Sinh ra trong một gia đình Nho học, lúc thiếu thời Ngài học chữ Nho và năm 18 tuổi học trường

Sư phạm. Vì thế mà sở học rất uyên thâm, thêm lòng mến mộ đạo Phật, Ngài đi sâu vào nghiên cứu giáo lý và trở thành một vị học Phật lỗi lạc.

Năm 1920, Ngài bắt đầu giảng dạy Phật pháp tại Bình Định và là một trong những bậc đồng lương cho phong trào chấn hưng Phật giáo tại tỉnh nhà.



Hòa thượng Thích Trí Độ (1894 - 1979)

Năm 1931, Ngài vào Sài Gòn, cùng với một số cao Tăng sáng lập và xuất bản tạp chí Từ Bi Âm. Tạp chí này hoạt động được một thời gian, nhưng sau vì thiếu cơ duyên thuận tiện nên không duy trì tiếp được.

Năm 1935, Ngài được mời làm Đốc giáo và giảng dạy tại trường An Nam Phật Học tại chùa Báo Quốc - Huế. Đây là một trường được hình thành rất sớm trong giai đoạn mới chấn hưng Phật giáo, qui tụ đủ cả Tăng sinh Trung Nam Bắc, suốt mười năm trường, gần như do một mình Ngài chăm sóc giảng dạy.

Năm 1940, Ngài trở vào Bình Định. Được Hòa thượng Liên Tôn khuyến hóa, Ngài xin xuất gia làm đệ tử của Hòa thượng Trí Hải chùa Bích Liên ở làng Hào Xá, quận

An Nhơn. Sau đó Ngài theo thọ học với Hòa thượng Phước Huệ chùa Thập Tháp, được Hòa thượng đặt pháp hiệu là Hồng Chân. Năm 1941, Ngài thọ tam đàn Cụ Túc với Hòa thượng Đắc Quang chùa Quốc Ân, Huế.

Ngài tham gia phong trào Phật Giáo Cứu Quốc từ năm 1945, và thường cổ vũ Tăng Ni Phật tử cùng lo việc cứu nước. Năm 1946, Hội Bắc Kỳ Phật Giáo đang trên đà phát triển, Ngài được mời ra mở trường tại chùa Quán Sứ - Hà Nội để đào tạo hàng hậu duệ cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh.

Năm 1950, Ngài được bầu làm Ủy viên Ủy Ban Liên Việt tại Thanh Hóa và năm 1953 được chỉ định làm Ủy viên Ủy ban Việt Nam Bảo vệ Hòa bình Thế giới.

Năm 1954, Hòa bình lập lại ở miền Bắc, Ngài trở về trụ bóng tùng lâm Quán Sứ. Đứng trước nhu cầu mới, Ngài đã tích cực vận động Tăng Ni Phật tử các tỉnh miền Bắc để thành lập một tổ chức Phật Giáo Thống Nhất. Tháng 3 năm 1958, cơ duyên đã hội đủ, Hội Phật giáo Thống nhất được thành lập, Ngài được tiến cử vào ban lãnh đạo Trung ương và được bầu làm Hội Trưởng từ đó, trải qua các kỳ đại hội, Ngài đều được bầu làm Hội trưởng suốt hai mươi bốn năm liền cho đến cuối đời.

Sau khi Hội Phật Giáo Thống Nhất được thành lập Ngài đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo Tăng tài. Vì thấy rõ trong những năm bị người Pháp đô hộ, đất nước chiến tranh, Tăng Ni không được học hành, Phật tử không được nghe thuyết pháp giảng kinh, nên Ngài đã xin với Nhà nước mở nhiều lớp học ngắn hạn để đào tạo cấp tốc một số Giảng sư nòng cốt cho các tỉnh, thành. Những lớp ngắn hạn này từ ba đến năm tháng do Ngài trực tiếp tổ chức hướng dẫn và mời những Hòa thượng danh tiếng khác tham gia giảng dạy.

Năm 1963 - 1964, khi đã có những người nòng cốt ở các tỉnh và các chi hội Phật giáo các tỉnh, thành phố đã được củng cố, Ngài lại tổ chức một khóa "Tu học Phật pháp" dài hạn trong một năm để nâng cao trình độ giảng dạy giáo lý.

Năm 1968 - 1969, Ngài tổ chức lớp chuyên nghiên cứu Duy Thức và Bách Pháp Minh Môn luận. Đến năm 1970, Ngài mở trường "Tu học Phật pháp Trung ương" tại chùa Quảng Bá - Hà Nội. Hai năm sau, Ngài mở trường "Trung Tiểu học Phật pháp Trung ương" (1972 - 1974), rồi lớp chuyên về "Nhị khóa hiệp giải" (năm 1974 - 1975).

Sau ngày đất nước thống nhất (1975), thấy rõ tiền đồ xán lạn của Phật giáo Việt Nam, Ngài chuẩn bị ngay kế hoạch đào tạo quy mô để có những Tăng tài hoạt động đối nội cũng như đối ngoại cho Phật giáo Việt Nam. Và đến đầu năm 1977, trường "Tu học Phật pháp Trung ương" khóa học bốn năm được chính thức khai giảng, làm cơ sở cho việc mở trường "Cao cấp Phật học Việt Nam" sau này.

Cũng vào năm 1976, Ngài với tư cách Ủy viên Thường vụ Quốc Hội tham gia trong đoàn của Nhà nước vào Sài Gòn dự Hội nghị Hiệp thương Thống nhất đất nước. Sau đó, Ngài về Bình Định thăm quê, và thăm các chốn Tổ đình, nơi Ngài đã xuất gia đầu Phật, cùng những nơi Ngài đã từng khai tràng thuyết pháp năm nào.

Những năm cuối của thập kỷ 70, tuy tuổi cao, sức khỏe giảm sút, nhưng Ngài vẫn minh mẫn và luôn quan tâm đến việc hoằng pháp lợi sinh. Vào tháng 10 năm 1979, Ngài cùng quý Đại biểu của Hội Phật Giáo Miền Nam tham dự mít tinh hưởng ứng tuần lễ đấu tranh bảo vệ hòa

bình của tổ chức Phật Giáo Châu Á Vì Hòa Bình (ABCP).

Sau khóa lễ chiều ngày 24 tháng 10 năm 1979, tức ngày 4 tháng 1 năm Kỷ Mùi, Ngài gọi thị giả đưa lên chính điện chùa Quán Sứ lễ Phật và đi quanh chùa thăm các cơ sở Phật sự cùng Tăng chúng trụ xứ, rồi trở về phòng ngồi đọc sách như thường lệ.

Thế rồi Hòa thượng an nhiên thị tịch ngay tại tòa đọc, hưởng thọ 85 tuổi với 47 năm hoằng dương đạo pháp. Sau khi Ngài mất, Hòa thượng Pháp chủ Thích Đức Nhuận đặt cho Giác linh Ngài hiệu là Kim Quang. Bảo tháp xây tại Tổ đình Quảng Bá. Tháp hiệu là “Đại Nhạn Bảo Tháp”.

Về trước tác, Hòa thượng Thích Trí Độ đã viết nhiều bài nghiên cứu có giá trị trong tạp chí Từ Bi Âm như:

- Luận về Sóng Thức (Duy thức).
- Pháp lạy Hồng Danh sám (Giáo lý).

Các kinh sách và tài liệu do Ngài dịch và viết rất nhiều, song vì đất nước chiến tranh, chưa có điều kiện xuất bản như:

- Bách pháp minh môn luận.
- Nhân minh nhập chính lý luận.
- Phật pháp khái luận.
- Toát yếu lịch sử Phật giáo Việt
- Bát Nhã tâm
- Nhân minh khái yếu.
- Nhân minh học giải thích.

Ngoài ra, Ngài còn trực tiếp chỉ đạo và cùng Ban Hoằng Pháp Trung Ương Hội Phật Giáo Thống Nhất biên soạn và hiệu đính nhiều kinh sách, như:

- Phật Tổ tam
- Phật học thường thức.
- Bát thức quy củ tụng.
- Đồng môn chỉ quán.
- Kinh Thủ Lăng Nghiêm...

Về đối ngoại, Ngài tham gia nhiều Hội nghị quốc tế, các phong trào hòa bình tại các nước và hoạt động xã hội như:

- Năm 1956, đi Ấn Độ dự lễ kỷ niệm 2.500 năm của đạo Phật.
- Năm 1962, làm Trưởng đoàn Phật giáo Việt Nam đi dự Đại Hội lần thứ VI của Hội Phật giáo Thế giới (WFB) tại
- Năm 1964, đi Trung Quốc dự lễ kỷ niệm Ngài Trần Huyền
- Năm 1979, dự mít tinh đấu tranh bảo vệ hòa bình của ABCP tại Mông Cổ.
- Từ năm 1955 - 1979, Ngài luôn được bầu làm Ủy viên đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Các cuộc bầu cử Quốc hội khóa 2, khóa 3, khóa 4 và khóa 5 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa, Ngài được nhân dân bầu là Đại biểu Quốc hội và được Quốc hội cử giữ chức Ủy viên Ủy ban Thường Vụ Quốc hội.
- Ngài đã được Nhà Nước tặng thưởng: Huân chương độc lập hạng 2 và Huân chương kháng chiến hạng 3.

Trong hàng Danh Tăng Việt Nam, bao công hạnh Đạo - Đời toàn vẹn như Ngài để có mấy người đạt được như thế. Hòa thượng là một tinh đầu giữa trời trong đại cuộc chấn hưng Phật giáo, góp phần rất lớn trong sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam và ghi lại nét son đậm của một giai đoạn lịch sử Phật giáo nước nhà.

Trích: **Tiểu sử Danh tăng Việt Nam thế kỷ XX - Tập 1**

Chủ biên: **TT.Thích Đồng Bổn**